

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 3 - 2024
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thái Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rực.

Ông Trà Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

- Bị đơn: Bà Lâm Thị Kiều O, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Vào năm 2012, ông Trần Văn T cùng bà Lâm Thị Kiều O kết hôn, tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 08/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bên gia đình của ông Trần Văn T tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2016 thì bà Lâm Thị Kiều O đã bỏ ông và con đi. Kể từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly

thân cho đến nay. Ông Trần Văn T xác định vợ chồng có một con chung tên Trần Lâm Nhã T1, sinh ngày 25/10/2012 hiện đang do ông Trần Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Trần Văn T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Nay ông Trần Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với bà Lâm Thị Kiều O.

- Về con chung: yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Lâm Nhã T1, sinh ngày 25/10/2012 đến khi thành niên và không yêu cầu bà Lâm Thị Kiều O phải cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông Trần Văn T đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Căn cước công dân mang tên Trần Văn T (bản sao chứng thực);

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản trích lục);

+ Trích lục khai sinh tên Trần Lâm Nhã T1, sinh ngày 25/10/2012;

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho bà Lâm Thị Kiều O. Nhưng bà Lâm Thị Kiều O thường xuyên không có mặt tại nhà và ông Trần S là cha ruột, ngụ cùng địa chỉ nhận thay. Do đó việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên bà Lâm Thị Kiều O không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và nguyện vọng của vợ chồng con trong vụ án.

* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Trần Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà Lâm Thị Kiều O, yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Lâm Nhã T1, sinh ngày 25/10/2012 đến khi thành niên và không yêu cầu bà Lâm Thị Kiều O phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung, ông Trần Văn T xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Bị đơn bà Lâm Thị Kiều O đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng ông Trần Văn T và bà Lâm Thị Kiều O không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng

xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T cho vợ chồng ông Trần Văn T bà Lâm Thị Kiều O ly hôn. Về con chung giao cho ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và bà Lâm Thị Kiều O không phải phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung ông Trần Văn T xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc ông Trần Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 04/12/2023, ông Trần Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lâm Thị Kiều O có nơi cư trú tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn bà Lâm Thị Kiều O vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn ông Trần Văn T về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012 ông Trần Văn T cùng bà Lâm Thị Kiều O kết hôn, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 08/5/2012. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn T và bà Lâm Thị Kiều O là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của ông Trần Văn T: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau thời gian chung sống hạnh phúc một năm sau có con chung. Đến năm 2016, bà Lâm Thị Kiều O đã bỏ đi và từ đó đến nay vợ chồng ông Trần Văn T, bà Lâm Thị Kiều O vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, vợ chồng không còn tình nghĩa, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để nhận định rằng đời sống chung của vợ chồng ông Trần Văn T bà Lâm Thị Kiều O không thể kéo dài được mục đích hôn nhân không thể đạt được. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng cho vợ chồng ông Trần Văn T bà Lâm Thị Kiều O hàn gắn tình cảm, tuy nhiên bà Lâm Thị Kiều O đều vắng mặt. Việc này đã thể hiện việc cho bà Lâm Thị Kiều O không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Trần Văn T. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T cho ông Trần Văn T được ly hôn với cho bà Lâm Thị Kiều O.

[3.3] Về con chung: Ông Trần Văn T xác định thời gian chung sống, vợ chồng ông Trần Văn T và bà Lâm Thị Kiều O có một người con chung tên Trần Lâm Nhã T1, sinh ngày 25/10/2012. Hiện nay con chung do ông Trần Văn T đang trực tiếp nuôi dưỡng bà Lâm Thị Kiều O cũng không có ý kiến về việc này.

[3.4] Xét ý kiến của ông Trần Văn T về việc ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Lâm Nhã T1, sinh ngày 25/10/2012 hiện nay đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Trần Lâm Nhã T1, sinh ngày 25/10/2012 đang sống cùng với cha là ông Trần Văn T khi bà Lâm Thị Kiều O ông Trần Văn T sống ly thân từ 2016 đến nay. Bà Lâm Thị Kiều O cũng không có ý kiến gì hoặc có tranh chấp về việc này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Trần Lâm Nhã T1, sinh ngày 25/10/2012 cho ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn T xác định hiện tại có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng nên đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Lâm Thị Kiều O phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.6] Bên cạnh đó bà Lâm Thị Kiều O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Ông Trần Văn T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Trần Văn T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lâm Thị Kiều O có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T được ly hôn với bà Lâm Thị Kiều O.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Trần Lâm Nhã T1, sinh ngày 25/10/2012 (hiện nay con chung đang sống chung với ông Trần Văn T) cho ông Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Bà Lâm Thị Kiều O không phải cấp dưỡng cho con. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Lâm Thị Kiều O mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Ông Trần Văn T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Ông Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 000551, ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Như vậy ông Trần Văn T đã thực hiện xong). Bà Lâm Thị Kiều O không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lâm Thị Kiều O có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu hồ sơ vụ án;

Trương Thái Ngọc